

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-ST
Ngày 14-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HUNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Điện.
2. Ông Nguyễn Văn Kháng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên: Bà Chu Thị Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2023, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 2002.

Nơi sinh, cư trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn S và bà Hoàng Thị D; vợ: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa có. Nhân thân: Ngày 06/12/2020 bị Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy. T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Ngọc Thanh M, sinh năm 1997.

Nơi sinh, cư trú: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn T và bà Dương Thị T; vợ: Ma Thị C; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Chưa có. M bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Tuấn: Bà Vương Thị Thanh N – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên, có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1992, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.
Chị Trương Thị D, sinh năm 2000, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.
Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 2002, vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ , phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
Anh Lò Văn M, sinh năm 2000, vắng mặt.
Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.
Anh Hà Văn Đ, sinh năm 2000, vắng mặt.
Địa chỉ: Bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La.
Anh La Kim Q, sinh năm 2003, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.
Chị Đinh Thị H, sinh năm 2002, vắng mặt.
Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Anh Lê Xuân Th, sinh năm 1980, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T hiện thuê phòng trọ tại thôn Nhạc Miếu, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên là người nghiện các chất ma túy và không có nghề nghiệp. Để có tiền sinh sống nên T đã đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền. Khoảng 16 giờ ngày 09/9/2022, T đi bộ đến khu vực phòng trọ của gia đình ông Đỗ Văn C ở thôn Hồng Cầu, xã Lạc Hồng thì phát hiện thấy tại khu vực để xe ở tầng 1 có dựng nhiều xe mô tô, T đi đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen trắng, biển số 47M1-271 của anh Hoàng Văn G ở thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. T dùng chìa khóa bằng kim loại mang theo từ trước rồi vạy mạnh thì mở được ổ khóa điện. Sau đó T điều khiển chiếc xe trên đến phòng trọ của Dương Ngọc Thanh M ở thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cũng thuê trọ tại thôn Nhạc Miếu rồi rủ M mang chiếc xe trên đi bán. M biết rõ chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý cùng T mang chiếc xe đi bán được số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền trên T cầm tiêu sài cá nhân hết và không chia cho M.

Đến khoảng 23 giờ ngày 13/9/2022, T đi đến khu trọ của gia đình ông Hoàng T ở thôn Nhạc Miếu, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm thì phát hiện tại hành lang khu trọ có dựng 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NASAKI 133NX màu sơn đỏ đen của chị Trương Thị D ở thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. T quan sát thấy không có ai nên đã đi đến lên lút dắt xe ra đường thôn Nhạc Miếu. T dùng chìa khóa bằng kim loại mang theo từ trước để mở ổ khóa điện, sau đó điều khiển xe đạp điện bãi đất hoang ở thôn Nhạc Miếu rồi cất giấu ở đó. Đến khoảng 08 giờ

ngày 14/9/2022, T đến lấy chiếc xe trên rồi mang đến cửa hàng của anh Nguyễn Trung C ở thôn Bình Minh, xã Lạc Hồng để bán, cùng lúc đó chị D đến cửa hàng của anh C thì nhận ra chiếc xe trên bị trộm cắp, T biết sự việc bị phát hiện nên đã để lại chiếc xe rồi bỏ chạy.

Đến khoảng 13 giờ ngày 21/9/2022, T đi đến khu phòng trọ của gia đình bà Đỗ Thu V ở thôn Hồng Cầu, xã Lạc Hồng thì phát hiện khu vực tầng 1 có dựng nhiều chiếc xe mô tô, T đi đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc biển số 21K1- 567.13 của anh Nguyễn Duy K (ở tổ , phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái) dắt chiếc xe trên ra đường thôn Hồng Cầu rồi dùng tay gạt mạnh yên xe ra và lấy tô vít, cờ lê để tháo mặt nạ của xe, nối dây điện để nổ máy và điều khiển xe đi đến phòng trọ của M. T rủ M mang chiếc xe trên đi bán. M biết rõ chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý cùng T mang bán chiếc xe trên được số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó T chia cho M 1.400.000 đồng, còn lại số tiền 3.100.000 đồng T mua ma túy và sử dụng hết.

Đến khoảng 12 giờ ngày 23/9/2022, T đi đến khu nhà trọ của gia đình bà Trần Thị Đ ở thôn Ngải Dương, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, T quan sát thấy tại khu vực phòng trọ tầng 1 để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển số 26B2- 381.49 của anh Lò Văn M ở bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. T liền đi đến rồi dắt chiếc xe trên ra đường thôn Ngải Dương. Sau đó T lấy chiếc tô vít mang theo từ trước tháo mặt nạ xe ra rồi nối dây điện và nổ máy điều khiển đến phòng trọ của M rủ M mang chiếc xe trên đi bán. M cũng biết rõ chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý cùng T mang bán chiếc xe trên được số tiền 4.500.000 đồng. T chia cho M số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T và M mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng 20 giờ ngày 25/9/2022, T đi đến khu phòng trọ của gia đình bà Đỗ Thị Thu H ở thôn Hồng Cầu, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm. T quan sát thấy tại tầng 1 khu trọ có dựng nhiều xe mô tô, không có người trông giữ, T đi đến gần chiếc xe mô tô màu xanh đen, biển số 26AA-264.79 của chị Đinh Thị H ở bản C, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La. Sau đó T dắt chiếc xe trên ra đường thôn Hồng Cầu rồi nối dây điện nổ máy và điều khiển xe đến phòng trọ của M. T và M tiếp tục mang bán chiếc xe trên được số tiền 1.500.000 đồng. T chia cho M số tiền 500.000 đồng, số tiền còn lại 1.000.000 đồng T cầm. Sau đó T và M đều sử dụng mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30/9/2022, T đi bộ đến khu trọ của gia đình anh Đỗ Xuân Đ ở thôn Nhạc Miếu, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm thì phát hiện thấy tại tầng 1 có để nhiều xe mô tô, quan sát thấy không có ai, T liền đi đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu FUSACO, màu sơn xanh, biển số 26H9-7587 của anh Hà Văn Đ ở thôn P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Sau đó, T dắt chiếc xe trên ra đường thôn Nhạc Miếu rồi nối dây điện nổ máy và điều khiển xe đến khu vực thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bán cho một người không rõ tên, địa chỉ được số tiền 900.000 đồng. T mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng hơn 21 giờ ngày 01/10/2022, T đi bộ đến thôn Quang Trung, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm thì thấy cổng khu nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Văn H mở, T quan sát thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu sơn đỏ đen bạc biển số 22F1-364.11 của anh La Kim Q ở thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang đang dựng ở hành lang khu nhà trọ, T thấy không có ai trông giữ nên đã đi đến gần chiếc xe trên và thấy xe không khóa cổ, khóa càng nên T đã dắt chiếc xe trên ra ngoài đường thôn Quang Trung, khi dắt được khoảng 200 mét thì T dựng xe rồi dùng hai tay kéo mạnh yên xe để lấy 01 tô vít, 01 cò lê và 01 ví giả da màu đen trong cốp xe. Sau đó T mở ví giả da để kiểm tra thì thấy bên trong không có tiền, chỉ có 01 Thẻ bảo hiểm Y tế, 01 Giấy mua bán xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô đều mang tên La Kim Q nên T cất ví cùng giấy tờ vào túi quần rồi dùng tô vít, cò lê để vặn ốc, tháo mặt lạ phía trước của xe ra, sau đó T dùng hai tay đầu nối dây điện của xe để nổ máy và điều khiển xe đi về phòng trọ của M. Tại đây T nhờ M mang chiếc xe trên đi bán hộ cùng T. M biết rõ chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý cùng T mang chiếc xe đi bán được số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó T chia cho M 1.400.000 đồng, số tiền còn lại T cầm tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Đến khoảng hơn 02 giờ ngày 02/10/2022, hành vi của T bị phát hiện, T bị Công an xã Lạc Hồng đưa về trụ sở để làm việc và thu giữ trong người T số tiền 2.000.000 đồng. Ngay sau đó, Công an Lạc Hồng đã bàn giao hồ sơ vụ việc cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Lâm để giải quyết theo thẩm quyền. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của T thu giữ 01 Thẻ bảo hiểm Y tế, 01 Giấy mua bán xe máy, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô đều mang tên La Kim Q; 01 cò lê, 01 tô vít, 01 chông đều bằng kim loại. Sau đó, hành vi của M cũng bị phát hiện. Ngày 03/10/2022 T, M bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Lâm bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Kết quả xét nghiệm ma túy của T và M đều dương tính với chất ma túy.

Sau khi sự việc xảy ra, anh Hoàng Văn G, chị Trương Thị D, anh Nguyễn Duy K, chị Đinh Thị H, anh Lò Văn M, anh Hà Văn Đ, anh La Kim Q đều có đơn trình báo sự việc trên đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Lâm. Cơ quan điều tra cũng thu giữ được 02 tệp video có ghi lại hình ảnh T thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của anh K và chị D và 04 tệp video có ghi lại một số hình ảnh liên quan đến vụ án Cơ quan điều tra tiến hành cho T chỉ dẫn nơi thực hiện hành vi phạm tội kết quả đều phù hợp với lời khai người bị hại.

Ngày 03/10/2022, Ngày 07/10/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Lâm đã Yêu cầu định giá tài sản số 306, 307 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Lâm tiến hành định giá đối với các tài sản nêu trên. Ngày 03/10/2022, ngày 14/10/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Lâm đã ban hành Kết luận định giá tài sản số 38, 41 kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn đỏ đen bạc biển số 22F1-364.11 tại thời điểm ngày 01/10/2022 trị

giá 15.000.000 đồng; 01 chiếc ví giả da màu đen đề chữ FUERDANNI tại thời điểm ngày 01/10/2022 trị giá 10.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen trắng biển số 47M1-271.57 trị giá 9.000.000 đồng; 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NASAKI 133NX màu sơn đỏ đen trị giá 4.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển số 21K1- 567.13 trị giá 14.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc biển số 26B2- 381.49 trị giá 12.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô màu xanh đen biển số 26AA-264.79 trị giá 6.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FUSACO, màu sơn xanh biển số 26H9-7587 trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 62.010.000 đồng.

Ngày 30/11/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Lâm đã quyết định trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên giám định đối với 06 file video đã thu giữ nêu trên. Đến ngày 19/12/2022, phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên có bản kết luận giám định số 233, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 05 tệp Video gửi giám định. Đối với 01 video được ghi lại từ màn hình trình chiếu nên không đủ cơ sở kết luận file Video gửi giám định có bị cắt ghép chỉnh sửa nội dung hay không.

Quá trình điều tra: T và M đều tự khai đem bán chiếc xe mà T trộm cắp ngày 09/9/2022 cho Lê Xuân T sinh năm 1980 ở thôn M, xã T, huyện V; còn các xe Tuấn trộm cắp các ngày 21/9/2022, 23/9/2022, 25/9/2022, 01/10/2022 đều mang đến bán cho Đỗ Văn Q (tức M) sinh năm 1989 ở thôn N, xã T, huyện V. Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 tệp video có ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ việc T, M mang bán xe cho Q vào ngày 01/10/2022 và tiến hành cho T, M nhận dạng qua Video. Cả hai đều xác định 03 nam thanh niên xuất hiện trong tệp Video là T, M và Q (tức M) nhưng hình ảnh không thể hiện rõ được về hành vi giao nhận mua bán xe. Cơ quan điều tra đã thu giữ của M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh bên trong lắp 01 thẻ sim số 0569565700. Kiểm tra nhật ký cuộc gọi vào ngày 01/10/2022 có cuộc gọi của M đến số thuê bao 0353614680, M khai là của Đỗ Văn Q. Tiến hành thu giữ điện tín đối với số thuê bao 0353614680 xác định số thuê bao trên đăng ký tên bà Phạm Thị Y sinh năm 1958 ở thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Bà Y không sử dụng số điện thoại này, cũng không biết Q và M. Đối với Lê Xuân T cũng không thừa nhận việc mua xe mô tô của T, M vào ngày 09/9/2022. Ngoài lời khai của T, M thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác nên chưa có đủ căn cứ để xử lý đối với Lê Xuân T về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với các xe mô tô mà Trần Văn T trộm cắp từ ngày 09/9/2022 đến ngày 01/10/2022, T, M khai bán cho Đỗ Văn Q. Khám xét khẩn cấp tại nhà của Q không thu giữ được vật chứng có liên quan. Q hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định: M làm nghề bốc vác thuê và có thu nhập ổn định là 7.000.000 đồng/tháng. M chung sống như vợ chồng với chị Hoàng Thị T là bạn

gái của M cũng có nghề nghiệp ổn định. Chị T không biết mình thực hiện hành vi phạm tội như nêu trên. Do đó xác định M không lấy tiền từ việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Anh Hoàng Văn G yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng; anh Nguyễn Duy K yêu cầu bồi thường số tiền 14.000.000 đồng; anh Lò Văn M yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng; chị Đinh Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng; anh Hà Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; đối với 01 ví giả da cùng các giấy tờ có liên quan Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh La Kim Q, anh Q yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Chị Trương Thị D đã quản lý được chiếc xe đạp điện do T bỏ lại tại cửa hàng xe điện của anh Nguyễn Trung C nên chị D không có yêu cầu bồi thường gì. Do M được hưởng lợi số tiền 4.300.000 đồng nên nhất trí bồi thường số tiền trên. T chấp nhận bồi thường số tiền 57.700.000 đồng nhưng hiện T và M chưa có tiền để bồi thường.

Các vật chứng là số tiền 2.000.000 đồng; 01 tô vít, tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 cờ lê bằng kim loại, 01 chông bằng kim loại và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh thu giữ của T, M xác định T, M đều sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Lâm đã nhập vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện Văn Lâm tại Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lâm và kho vật chứng để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn T, Dương Ngọc Thanh M, ngày 28/12/2022 Công an huyện Văn Lâm đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T, M. Cơ quan điều tra cũng chưa làm rõ được lai lịch, địa chỉ của đối tượng đã bán ma túy cho T, M nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSVL ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm b, c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo M về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo trình bày, đều nghiên ma túy, mua ma túy của đối tượng không rõ tên, địa chỉ để sử dụng. Mục đích trộm cắp tài sản để chi tiêu, sinh hoạt, mua ma túy.

Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh nơi bị cáo sinh sống, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo Dương Ngọc Thanh M phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng: Điểm b, c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 03/10/2022.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc Thanh M từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 03/10/2022.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Hoàng Văn G số tiền 9.000.000 đồng; anh Nguyễn Duy K số tiền 14.000.000 đồng; anh Lò Văn M số tiền 12.000.000 đồng; chị Đinh Thị H số tiền 6.000.000 đồng; anh Hà Văn Đ số tiền 2.000.000 đồng; anh La Kim Q số tiền 15.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu phát mại lấy tiền sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh.

Truy thu của bị cáo M số tiền 4.300.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 tô vít, tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 cờ lê bằng kim loại, 01 chông bằng kim loại.

Trả lại bị cáo T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo M chịu án phí theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử được tổng đạt cho các bị cáo đúng pháp luật; việc lấy lời khai những người tham gia tố tụng, hỏi cung bị can đều đảm bảo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xác định việc điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung*; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, với các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

Với các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09/9/2022 đến ngày 01/10/2022, tại thôn Hồng Cầu, thôn Nhạc Miếu, thôn Quang Trung, xã Lạc Hồng và thôn Ngải Dương, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Trần Văn T là người không có nghề nghiệp, nghiện ma túy đã 07 lần thực hiện hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện, 06 xe mô tô các loại và 01 ví giả da có tổng trị giá

là 62.010.000 đồng (sáu mươi hai triệu không trăm mười nghìn đồng) của anh Hoàng Văn G, chị Trương Thị D, anh Nguyễn Duy K, chị Đinh Thị H, anh Lò Văn M, anh Hà Văn Đ, anh La Kim Q đem bán lấy tiền làm nguồn sống chính.

Cũng trong thời gian nêu trên, Dương Ngọc Thanh M biết rõ tài sản là do Trần Văn T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý cùng T 05 lần mang tài sản đi tiêu thụ với tổng tài sản phạm pháp trị giá 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Hành vi 07 lần trộm cắp tài sản có tổng trị giá 62.010.000 đồng mà tài sản chiếm đoạt trong mỗi lần đều lớn hơn 2.000.000 đồng và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính như nêu ở trên của Trần Văn T đã phạm tội Trộm cắp tài sản được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Hành vi 05 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính như nêu ở trên của Dương Ngọc Thanh M đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Xét về vụ án này hành vi trộm cắp tài sản bị cáo T thực hiện độc lập, T không có bàn bạc hứa hẹn gì cùng M trước khi phạm tội, sau khi chiếm đoạt được tài sản thì mang đến chỗ M và cùng nhau đi bán. Bị cáo M khi biết rõ tài sản là do trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng T mang đi tiêu thụ; đối với hành vi tiêu thụ tài sản cả hai bị cáo cùng thực hiện, nhưng bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, T chỉ phải chịu trách nhiệm về tội Trộm cắp tài sản.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để chi tiêu cá nhân nhưng không chịu lao động, hơn nữa các bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện đã nghiện ma túy, nên đã phạm tội. Cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Cả hai bị cáo đều nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, giá trị mỗi lần thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm, nên các bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2

điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo T được hưởng. Hội đồng xét xử có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo không có tài sản riêng, bị cáo T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] *Các biện pháp tư pháp: Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*:

Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo T đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại, đối với tài sản không thu hồi được, anh Hoàng Văn G yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng; anh Nguyễn Duy K yêu cầu bồi thường số tiền 14.000.000 đồng; anh Lò Văn M yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng; chị Đinh Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng; anh Hà Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; anh La Kim Q yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo T nhất trí bồi thường, nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại.

Đối với 01 ví giả da cùng các giấy tờ có liên quan Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh La Kim Q, chị Trương Thị D đã quản lý được chiếc xe đạp điện do T bỏ lại tại cửa hàng xe điện của anh Nguyễn Trung C nên chị D không có yêu cầu bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị cáo M được hưởng số tiền 4.300.000 đồng do phạm tội mà có, nên sẽ truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh thu của bị cáo T, do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên sẽ tịch thu phát mại lấy tiền sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu của T, T khai do bán tài sản trộm cắp mà có, tuy nhiên do buộc bị cáo phải bồi thường trả bị hại, nên sẽ trả lại bị cáo số tiền này, nhưng sẽ tạm giữ tại Cơ quan Thi hành án dân sự để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 01 tô vít, tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 cờ lê bằng kim loại, 01 chông bằng kim loại là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn T, Dương Ngọc Thanh M, ngày 28/12/2022 Công an huyện Văn Lâm đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T, M là đúng pháp luật. Cơ quan điều tra cũng chưa làm rõ được lai lịch, địa chỉ của đối tượng đã bán ma túy cho T, M nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật hành vi bán trái phép chất ma túy và hành vi tiêu thụ tài sản của đối tượng Q, Th.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nên buộc bị cáo M chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị

cáo T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Dương Ngọc Thanh M phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng: Điểm b, c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 04 năm 03 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 03/10/2022.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc Thanh M 02 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 03/10/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho anh Hoàng Văn G số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng); anh Nguyễn Duy K số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); anh Lò Văn M số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); chị Đinh Thị H số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); anh Hà Văn Đ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); anh La Kim Q số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Truy thu của bị cáo Dương Ngọc Thanh M số tiền 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu phát mại lấy tiền sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh.

Tịch thu tiêu hủy 01 tô vít, tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 cờ lê bằng kim loại, 01 chông bằng kim loại.

Trả lại bị cáo Trần Văn T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nhưng tạm giữ lại tại Cơ quan thi hành án dân sự để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Ngọc Thanh M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Trần Văn T.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân, Công an huyện Văn Lâm;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Mười